

BẢNG SƠ LIỆU CHỈ TIÊU TUYỂN SINH LỚP MỘT NĂM HỌC 2024-2025 (dự kiến)

TT	Tên trường Tiểu học	Địa bàn tuyển sinh		Chỉ tiêu Lớp 1						Ghi chú
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Cộng	Số trẻ	Số lớp	SS HS/ lớp	
1	An Bình	An Phú	Có kế hoạch tuyển sinh riêng	175		175	175	5	35	- Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế. - Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
2	Nguyễn Thị Tư	Thảo Điền	Có kế hoạch tuyển sinh riêng	140		140	140	4	35	- Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế. - Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
3	Lê Văn Việt	Tăng Nhơn Phú A	Có kế hoạch tuyển sinh riêng	175		175	175	5	35	- Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế. - Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
4	Linh Chiểu	Linh Chiểu	Có kế hoạch tuyển sinh riêng	175		175	175	5	35	- Trường tiên tiến, hội nhập quốc tế. - Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
3	An Khánh	An Lợi Đông	Cư ngụ trên phường An Lợi Đông	3	3	6	215	6	36	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Thủ Thiêm	Cư ngụ trên phường Thủ Thiêm	6	5	11				
		An Khánh	Cư ngụ khu phố 1	2	3	5				
		An Khánh	Cư ngụ khu phố 2		33	33				
		An Khánh	Cư ngụ khu phố 3	15	13	28				
		An Khánh	Cư ngụ khu phố 4		31	31				
		An Khánh	Cư ngụ khu phố 5	0	0	0				
		An Khánh	Cư ngụ khu phố 6	6	4	10				
		An Khánh	Cư ngụ khu phố 7	11	53	64				
4	An Phú	An Phú	Cư ngụ khu phố 1	27		27	145	5	29	
		An Phú	Cư ngụ khu phố 1		19	19				
		An Phú	Cư ngụ khu phố 2	25	24	49				
		An Phú	Cư ngụ khu phố 3	21	21	42				
		An Phú	Cư ngụ khu phố 4		35	35				
5	Nguyễn Hiền	An Phú	Cư ngụ khu phố 4	17		17	332	7	47	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		An Phú	Cư ngụ khu phố 5	163	72	235				
		An Khánh	Cư ngụ khu phố 2	33		33				
		An Khánh	Cư ngụ khu phố 4	47		47				
6	Bình Trưng Đông	Bình Trưng Đông	Cư ngụ khu phố 1	40	33	73	352	8	44	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Bình Trưng Đông	Cư ngụ khu phố 4	94	73	167				
		Bình Trưng Đông	Cư ngụ khu phố 5	54	58	112				
7	Nguyễn Văn Trỗi	Bình Trưng Đông	Cư ngụ khu phố 2	36	28	64	450	10	45	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Bình Trưng Đông	Cư ngụ khu phố 3	133	108	241				
		Phú Hữu	Cư ngụ khu phố 2 (Tổ 7,8, một phần tổ 9)	92	53	145				
8	Giồng Ông Tố	Bình Trưng Tây	Cư ngụ khu phố 1	43	26	69	457	10	46	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Bình Trưng Tây	Cư ngụ khu phố 2	28	12	40				
		Bình Trưng Tây	Cư ngụ khu phố 4	53	46	99				
		Bình Trưng Tây	Cư ngụ khu phố 5	65	38	103				
		Bình Trưng Tây	Cư ngụ khu phố 6	81	65	146				

TT	Tên trường Tiểu học	Địa bàn tuyển sinh		Chỉ tiêu Lớp 1						Ghi chú
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Cộng	Số trẻ	Số lớp	SS HS/ lớp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
9	Huỳnh Văn Ngõi	Thảo Điền	Cư ngụ khu phố 1	79	31	110	335	8	42	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Thảo Điền	Cư ngụ khu phố 2	20	14	34				
		Thảo Điền	Cư ngụ khu phố 3	15	10	25				
		Thảo Điền	Cư ngụ khu phố 4	29	32	61				
		Thảo Điền	Cư ngụ khu phố 5	12	13	25				
		Thảo Điền	Cư ngụ khu phố 6	39	41	80				
10	Lương Thế Vinh 1	Thạnh Mỹ Lợi	Cư ngụ khu phố 1	72	68	140	316	7	45	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Thạnh Mỹ Lợi	Cư ngụ khu phố 2 (Tổ 63,66,71,76)	42	27	69				
		Thạnh Mỹ Lợi	Cư ngụ khu phố 4	5	7	12				
		Thạnh Mỹ Lợi	Cư ngụ khu Chung cư	42	19	61				
		Bình Trưng Tây	Cư ngụ khu phố 3	15	19	34				
11	Thạnh Mỹ Lợi	Thạnh Mỹ Lợi	Cư ngụ khu phố 2 (Trừ Tổ 63, 66, 71, 76)	8	15	23	229	6	38	
		Cát Lái	Cư ngụ khu phố 1	39	22	61				
		Cát Lái	Cư ngụ khu phố 2	53	27	80				
		Bình Trưng Tây	Cư ngụ khu phố 6		65	65				
12	Mỹ Thủy	Thạnh Mỹ Lợi	Cư ngụ khu phố 3	25	16	41	238	5	48	Trường Chuẩn Quốc Gia
		Cát Lái	Cư ngụ khu phố 3	102	95	197				
13	Hiệp Phú	Hiệp Phú	Cư ngụ Khu phố 3+4 +5+ 6	159	94	253	474	12	40	
		Tầng Nhon Phú A	Cư ngụ Khu phố 2, 5 và 6		130	130				
		Tầng Nhon Phú B	Cư ngụ Khu phố 4, Tạm trú cả Kp 5 và thường trú các tổ 1,6 và 7 của Kp 5	24	67	91				
14	Đinh Tiên Hoàng	Hiệp Phú	Cư ngụ Khu phố 1 và 2	150	110	260	330	8	41	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Tầng Nhon Phú B	Cư ngụ Khu phố 5: thường trú các tổ 2, 3, 4 và 5	70		70				
15	Long Thạnh Mỹ	Long Thạnh Mỹ	Cư ngụ khu phố 1 + Gò Công + Long Hoà	258		258	258	6	43	
16	Nguyễn Minh Quang	Long Thạnh Mỹ	Cư ngụ khu phố: Giản Dân, Mỹ Thành, Chân Phúc Cẩm	75	123	198	295	8	37	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Long Bình	Cư ngụ khu phố Giản Dân	16	6	22				
		Tân Phú	Cư ngụ thường trú Khu phố 5 và Khu phố 6	75		75				
17	Long Phước	Long Phước	Cư ngụ phường Long Phước	179	44	223	223	6	37	
18	Long Bình	Long Bình	Cư ngụ khu phố: Phước Thiện, Long Bửu và Bến Đò	179	169	348	522	11	47	
		Long Thạnh Mỹ	Cư ngụ khu phố: Long Hòa + Gò Công + Khu phố 1		174	174				
19	Tạ Uyên	Long Bình	Cư ngụ khu phố Cầu Ông Tấn; Thái Bình 1, Thái Bình 2, Long Sơn, Vĩnh Thuận	109	31	140	140	4	35	
20	Phước Thạnh	Long Trường	Cư ngụ Khu phố Phước Lai, Tam Đa, Trường Lưu và Ông Nhiều	238	141	379	420	10	42	
		Trường Thạnh	Cư ngụ Khu phố Phước Lai	4	37	41				
21	Phú Hữu	Phú Hữu	Cư ngụ ở phường Phú Hữu (trừ tổ 7, 8 của khu phố 2)	127	284	411	411	10	41	
22	Bùi Văn Mới	Phước Long A	Cư ngụ Khu phố 3 + 4 + 5	114	78	192	192	5	38	
23	Phạm Văn Chính	Phước Long A	Cư ngụ Khu phố 1 + 2 + 6	77	73	150	208	6	35	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Phước Long B	Cư ngụ Khu phố 1	34	24	58				

TT	Tên trường Tiểu học	Địa bàn tuyển sinh		Chỉ tiêu Lớp 1						Ghi chú
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tạm trú	Cộng	Số trẻ	Số lớp	SS HS/ lớp	
1	2	3	4	5	6	7	5	6	7	8
24	Võ Văn Hát	Phước Long B	Cư ngụ Khu phố: 2, 3, 4	138	191	329	329	8	41	
25	Nguyễn Văn Bá	Phước Long B	Cư ngụ Khu phố 5	108	115	223	223	6	37	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
26	Trần Thị Bưởi	Phước Long B	Cư ngụ Khu phố 6	200	120	320	320	8	40	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
27	Phước Bình	Phước Bình	Cư ngụ ở phường Phước Bình	250	102	352	352	9	39	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
28	Trương Văn Thành	Tăng Nhơn Phú A	Cư ngụ ở phường Tăng Nhơn Phú A	298	220	518	518	12	43	
30	Phong Phú	Tăng Nhơn Phú B	Cư ngụ Khu phố: 1+2+3 và Khu phố 5 (tổ 1, 6, 7)	169	118	287	287	7	41	
31	Trường Thạnh	Trường Thạnh	Cư ngụ ở phường Trường Thạnh (trừ khu phố Phước Lai)	132	249	381	504	12	42	
		Long Trường	Cư ngụ Khu phố Phước Hiệp	46	77	123				
32	Tân Phú	Tân Phú	Cư ngụ ở phường Tân Phú (trừ thường trú Khu phố 5 + Kp 6)	157	389	546	546	12	46	
33	Hoàng Diệu	Linh Trung	Cư ngụ Khu phố 1 (trừ tổ 5, 6, 11, 12) và khu phố 3.	350		350	350	8	44	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
34	Đỗ Tấn Phong	Linh Trung	Cư ngụ Khu phố 1: tổ 5, 6, 11, 12; khu phố 5 và 6	270		270	270	6	45	
35	Nguyễn Văn Triết	Linh Trung	Cư ngụ Khu phố 2 và 4	200		200	414	9	46	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Linh Tây	Cư ngụ Khu phố 1: tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8.	130		130				
		Linh Chiểu	Cư ngụ Khu phố 1: tổ 1, 2, 3, 4, 10; Khu phố 3: tổ 38, 38A, 38B; Khu phố 4: tổ 47A.	84		84				
36	Bình Triệu	Hiệp Bình Chánh	Cư ngụ Khu phố 1, 2, 3, 4, 6; Khu phố 7: tổ 44, 44A, 45, 45A, 46.	600		600	600	12	50	
37	Hiệp Bình Chánh	Hiệp Bình Chánh	Cư ngụ Khu phố 5, khu phố 9; khu phố 8: các tổ 49, 49A, 50, 51, 52, 52A, 52B, 52C, 52D.	300		300	300	6	50	
38	Hiệp Bình Phước	Hiệp Bình Phước	Cư ngụ Khu phố 3: tổ 6, 7, 8; Khu phố 4: tổ 7, 8, 9, 10, 11, 13; khu phố 5: tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 18, 19, 20.	69	89	158	158	4	40	
39	Đặng Thị Rành	Hiệp Bình Phước	Cư ngụ Khu phố 1; khu phố 2; Khu phố 3: tổ 1, 2, 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16; Khu phố 4: tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 12.	116	119	235	235	6	39	
40	Đào Sơn Tây	Hiệp Bình Phước	Cư ngụ Khu phố 5: tổ 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 21; Khu phố 6.	117	215	332	582	12	49	
		Hiệp Bình Chánh	Cư ngụ Khu phố 7: tổ 47, 48, 48A, 48B, 48C; Khu phố 8: tổ 53, 53A, 53B, 54, 54A.	250		250				
41	Đặng Văn Bất	Linh Đông	Cư ngụ KP 1, KP 2; KP 8	212		212	257	6	43	
		Tam Phú	Cư ngụ Khu phố 2: tổ 2, 3, 5, 6.	27	18	45				
42	Bình Quới	Linh Đông	Cư ngụ KP 4, KP 7	286		286	286	6	48	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
43	Linh Đông	Linh Đông	Cư ngụ KP 3, KP 5, KP 6.	129		129	129	3	43	

TT	Tên trường Tiểu học	Địa bàn tuyển sinh		Chỉ tiêu Lớp 1						Ghi chú
		Phường	Khu phố	Thường trú	Tam trú	Cộng	Số trẻ	Số lớp	SS HS/ lớp	
1	2	3	4	5	6	7	5	6	7	8
44	Trương Văn Hải	Tam Phú	Cư ngụ Khu phố 3 và 4	98	94	192	342	7	49	
		Tam Bình	Cư ngụ Khu phố 1	150		150				
45	Thái Văn Lung	Tam Phú	Cư ngụ Khu phố 1, khu phố 5; Khu phố 2: tổ 1, 4, 7, 8, 9.	202	152	354	354	7	51	
46	Xuân Hiệp	Linh Xuân	Cư ngụ Khu phố 1: tổ 1, 2, 7, 8; Khu phố 2, 4, 5.	318		318	318	8	40	
47	Nguyễn Văn Nờ	Linh Xuân	Cư ngụ Khu phố 1: tổ 5, 6, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19; Khu phố 3: tổ 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18.	271		271	271	6	45	
48	Nguyễn Văn Lịch	Linh Xuân	Cư ngụ Khu phố 1: tổ 3, 4; Khu phố 3: tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11.	189		189	189	4	47	
49	Lương Thế Vinh	Bình Thọ	Cư ngụ Khu phố 1, 2, 3, 4	288		288	425	10	43	Có tổ chức lớp Tiếng Anh tích hợp
		Trường Thọ	Cư ngụ Khu phố 2: tổ 6, 7, 8; Khu phố 3: tổ 1, 2, 3; Khu phố 4; Khu phố 5: tổ 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18;	137		137				
50	Từ Đức	Bình Thọ	Cư ngụ Khu phố: 1, 2, 3 và 4	118		118	299	7	43	
		Trường Thọ	Khu phố 6: tổ 10, 11, 12, 13.	125		125				
		Linh Chiêu	Cư ngụ Khu phố 4: từ tổ 39 đến tổ 48; Khu phố 5: từ tổ 49 đến tổ 59.	56		56				
51	Bình Chiêu	Bình Chiêu	Cư ngụ Khu phố 1; Khu phố 2: tổ 11 và 11A; Khu phố 3: tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8	385		385	385	10	39	
52	Trần Văn Vân	Bình Chiêu	Cư ngụ Khu phố 3: tổ 10, tổ 7A, tổ 9; Khu phố: 4, 5, 6	363		363	363	9	40	
53	Nguyễn Văn Tây	Bình Chiêu	Cư ngụ Khu phố 2 (trừ tổ 11, 11A)	534		534	534	12	45	
54	Nguyễn Trung Trực	Linh Chiêu	Cư ngụ Khu phố 1: tổ 5, 6, 7, 8, 9; Khu phố 2: từ tổ 11 đến tổ 31; Khu phố 3: từ tổ 32 đến tổ 37A.	135		135	210	5	42	
		Trường Thọ	Cư ngụ Khu phố 1; Khu phố 2: tổ 1, 2, 3, 4, 5; Khu phố 3: tổ 4, 5, 6, 7, 8.	58		58				
		Linh Tây	Cư ngụ Khu phố 3: từ tổ 36 đến tổ 40; Khu phố 4: tổ 41, 42, 43 và 57.	17		17				
55	Nguyễn Văn Banh	Trường Thọ	Cư ngụ Khu phố 2: tổ 9, 10; Khu phố 5: tổ 1, 2, 3, 19; Khu phố 6: tổ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 14, 15, 16; Khu phố: 7, 8, 9.	170		170	170	4	43	
56	Tam Bình	Tam Bình	Cư ngụ Khu phố 2, 3, 4, 5	539		539	539	11	49	
57	Linh Tây	Linh Tây	Cư ngụ Khu phố 1: tổ 9, 10, 11; Khu phố 2: từ tổ 12 đến tổ 28; Khu phố 3: từ tổ 29 đến tổ 35; Khu phố 4: từ tổ 44 đến tổ 56, tổ 58; Khu phố 5: từ tổ 59 đến tổ 67.	174		174	174	4	44	
Tổng cộng				13210	5230	18440	18440	433	43	